

Thủy binh chúa Nguyễn với việc bảo vệ chủ quyền, khai thác nguồn lợi biển đảo trên biển Đông

• Trần Thuận

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Suốt hơn hai thế kỷ (từ đầu thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX), các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã ra sức xây dựng và phát triển lực lượng thủy binh nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo.

Lực lượng thủy binh Đàng Trong ngày càng lớn mạnh cả về quân số, phương tiện và vũ khí. Các chúa Nguyễn rất quan tâm và thường xuyên đốc thúc việc tuyển quân để biên chế cho các hạm đội. Thông qua hoạt động giao thương, các chúa Nguyễn đã tạo được mối quan hệ với người phương Tây, nhờ họ mua vũ khí và hướng dẫn cách chế tạo vũ khí, từ đó Đàng Trong đã chế tạo thành công một số loại súng trang bị cho cả bộ binh lẫn thủy binh. Các chúa Nguyễn cũng rất quan tâm đến việc đóng thuyền và tổ chức luyện quân. Thuyền chiến thời này có những bước tiến bộ đáng kể về mặt kỹ thuật, tăng cường tính năng chiến đấu. Nhờ vậy, thủy binh thời chúa Nguyễn đã lập được nhiều chiến công oanh liệt, tiếp nối truyền thống thủy chiến của dân tộc ta. Tiêu biểu có thể kể đến các sự kiện sau:

- Đánh chìm tàu hải tặc Nhật Bản năm 1585,
- Đánh tan cuộc tấn công của hải quân Công ty Đông Ấn Hà Lan năm 1643,
- Đánh đuổi quân Anh, làm chủ quần đảo Côn Lôn năm 1705,...

Ngoài lực lượng chính binh hùng mạnh, chúa Nguyễn còn lập các đội ngư binh để tuần tra, bảo vệ và khai thác nguồn lợi biển đảo trên Biển Đông. Các đội Hoàng Sa, Bắc Hải, Quế Hương, Đại Mạo Hải Ba, Quế Hương Hàm,... lần lượt ra đời. Họ xuất phát là ngư dân, sau đó tự nguyện gia nhập đội ngũ làm nhiệm vụ cho nhà nước theo kiểu lính nghĩa vụ nên được gọi là những “quân nhân” hay “ngư binh”. Ngoài việc thu lượm vàng bạc, khí cụ,... của các tàu đắm mang về cho nhà nước chúa Nguyễn; họ còn sẵn sàng ứng chiến mỗi khi có kẻ thù xâm phạm chủ quyền biển đảo quốc gia. Họ thực sự là những “hùng binh” trên biển.

Có thể thấy, nhiệm vụ của các đội ngư binh rất nặng nề, không thuần túy về kinh tế mà luôn kết hợp với nghĩa vụ quân sự; du thám, trinh báo về các bọn thổ phỉ ngoài biển; chống cướp biển, bảo vệ Biển Đông. Họ phải đối mặt với nhiều gian nguy, đối khổ để bảo vệ chủ quyền biển đảo, đem lại lợi ích cho đất nước. Vì lẽ đó, nó tồn tại suốt thời các chúa Nguyễn và cả nhà Nguyễn sau này. Những tư liệu mới được phát hiện gần đây phản ánh nhiều điều thú vị về hoạt động của các đội ngư binh cũng như sinh hoạt của các chiến binh trên biển trong thời gian “công tác”. Với những gì làm được, các chiến binh

trên biển thời này đã dựng lên một biểu tượng đẹp đẽ, sáng ngời lòng yêu nước và tinh thần xả thân vì nước. Chúa Nguyễn còn

Từ lâu, biển đảo đã gắn bó máu thịt với đời sống cư dân Việt, nó đi vào tâm thức người Việt như một yếu tố tự nhiên, nhẹ nhàng mà sâu lắng, nó kết tinh để tạo nên văn hóa Việt Nam thăng hoa, sung mãn và trường tồn.

Biển đảo luôn có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình phát triển của dân tộc. Nó luôn là địa bàn hiểm yếu và có vị trí chiến lược quan trọng về cả chính trị, kinh tế, đối ngoại lẫn quốc phòng và an ninh quốc gia. Quá trình xây dựng, củng cố và phát triển xứ Đàng Trong, các chúa Nguyễn luôn quan tâm đến Biển Đông. Lịch sử ghi nhận rằng, trong hơn hai thế kỷ đó, các chúa Nguyễn luôn có ý thức xác lập và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông và để thực thi sứ mệnh cao cả ấy, một trong những biện pháp hữu hiệu là ra sức xây dựng lực lượng thủy binh mạnh đủ sức đẩy lùi các thế lực xâm lược và cướp phá trên Biển Đông.

Trên cơ sở tập hợp, hệ thống và tiếp cận với những nguồn tư liệu mới, bài viết dưới đây cố gắng dựng lại bức tranh sinh động về tổ chức và hoạt động của thủy binh dưới thời các chúa Nguyễn ở Đàng Trong với những chiến công trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền và khai thác nguồn lợi biển đảo trên Biển Đông trong hai thế kỷ XVII - XVIII.

1. Lực lượng thủy binh dưới thời các chúa Nguyễn

Kể từ sau khi Nguyễn Hoàng thoát khỏi sự quản thúc của Trịnh Tùng¹ trở về Thuận Hóa

thiết lập Ty tàu, là cơ quan phụ trách việc quan hệ với tàu thuyền nước ngoài nhằm kiểm soát tình hình an ninh trên biển.

(1600) đến khi Nguyễn Ánh lên ngôi, lập nên vương triều Nguyễn (1802), các chúa Nguyễn đã ra sức mở mang bờ cõi, xây dựng quân đội hùng mạnh, mở cửa giao thương với nước ngoài, phát triển kinh tế và ổn định đời sống xã hội. Nhờ vậy, Đàng Trong đã phát triển nhanh chóng về mọi mặt. Về quân đội, các chúa Nguyễn vừa phát triển cả bộ binh lẫn thủy binh, đặc biệt thủy binh có một bước phát triển mạnh mẽ và lập được nhiều chiến công vang dội trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia, trong sự nghiệp bảo vệ cơ nghiệp Đàng Trong trước sự tấn công của họ Trịnh, cũng như góp phần làm nên thắng lợi trước lực lượng Tây Sơn. Vua Gia Long lấy làm tự hào và khẳng định: “*Thủy chiến là sở trường của ta*”².

Thủy binh được tổ chức theo thuyền, đội, cơ và dinh. Ngoài lực lượng thủy binh chính quy, chúa Nguyễn còn tổ chức các đội thuyền khá đặc biệt như đội Hoàng Sa, Bắc Hải... một lực lượng các đội thuyền thường xuyên tuần tra trên biển mà tài liệu của Li Tana gọi là đội “*tuần hải*”³ có nhiệm vụ “*đánh bắt cướp biển... phát hiện, đánh đuổi các tàu nước ngoài do thám, can thiệp*”⁴, đồng thời còn làm nhiệm vụ truyền tin⁵. Chúa Nguyễn còn thiết lập Ty tàu, là cơ quan phụ trách việc quan hệ với tàu thuyền nước ngoài nhằm kiểm soát tình hình an ninh trên biển.

Thông qua hoạt động giao thương, các chúa Nguyễn đã tạo được mối quan hệ với người

¹ Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa năm 1558. Năm 1593, ông đưa quân ra Bắc Hà giúp Trịnh Tùng đánh dẹp họ Mạc trong 8 năm trời rồi bị họ Trịnh lưu giữ lại do lo sợ sự cát cứ và thế lực lớn mạnh của ông. Năm 1600, nhân có vụ quân binh chống họ Trịnh, ông mới có cơ đưa quân sĩ trở về Thuận Hóa. Từ đó, ông lo phát triển cơ sở, mở mang bờ cõi, phòng bị quân Trịnh vào đánh phá.

² <http://www.baomoi.com>: *Bi mật hải quân nhà Nguyễn - Kỳ 1: Từ thủy quân đến hải quân*. (Theo Thanhnien).

³ Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỉ 17 và 18*, Bản dịch của Nguyễn Nghị, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 73.

⁴ Nguyễn Việt (CB, 1983), *Quân thủy trong lịch sử chống ngoại xâm*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 280.

⁵ Chính nhờ lực lượng truyền tin này mà năm 1643 chúa Nguyễn Phúc Tần mới có thể kịp thời đem thủy quân đánh đuổi tàu chiến của Hà Lan.

phương Tây, nhờ họ mua vũ khí và hướng dẫn cách chế tạo vũ khí. Từ đó các chúa Nguyễn chế tạo thành công một số loại súng sử dụng cho cả bộ binh lẫn thủy binh. Vũ khí trang bị cho thuyền chiến thời kì này đáng kể nhất là súng pháo. Sách *Quân thủy trong lịch sử chống ngoại xâm* của Nguyễn Việt cho biết, “mọi thuyền chiến đấu đều có ít nhất một khẩu pháo ở đằng mũi. Tùy dạng thuyền mà số lượng pháo nhiều ít có khác nhau...”⁶. Tuy nhiên, gần đây Hoàng Hải Vân trên cơ sở tham cứu một số tài liệu “bí truyền” của hoàng tộc Nguyễn⁷ đã cung cấp nhiều thông tin thú vị về thủy quân chúa Nguyễn và triều Nguyễn, ông cho biết, vũ khí chủ yếu mà thủy binh chúa Nguyễn sử dụng không phải là đại bác hay vũ khí của phương Tây mà là súng phun lửa, nó liên châu và ống phóng hơi cay. Súng phun lửa có thể sử dụng khi cận chiến ở cự ly 15m. Nó liên châu thì một phát bắn ra 20 mũi tên có thể trúng chính xác ở cự ly trên 100m⁸. Điều đó cho thấy, các chúa Nguyễn đã kế thừa và nâng lên một bước những thành quả của cha ông mình kết hợp với văn minh hiện đại.

Các chúa Nguyễn rất quan tâm và thường xuyên đốc thúc việc tuyển quân để biên chế cho các hạm đội. Ngay từ năm 1632, chúa Sãi Phúc Nguyên đã đề ra phép “*duyet tuyển*”, chia dân ra từng hạng để đánh thuế và tuyển quân. Việc tuyển binh dưới thời các chúa Nguyễn được tiến hành thường xuyên và ổn định. Quân chế được quy định khá chặt chẽ với tính kỹ luật cao. Theo thống kê của J. Barrow – một nhà buôn người Anh đã đến Đàng Trong trong hai năm 1792 – 1793 thì

cuối thế kỷ XVIII, tổng số binh lính trong lực lượng thủy binh của chúa Nguyễn lên tới 26.800 người, trong đó có 800 người làm việc trong xưởng thuốc súng, 8.000 người là thủy thủ, 1.200 làm việc trên thuyền kiểu châu Âu, 1.600 người trên thuyền mảnh, 800 người trên 100 thuyền galê⁹. Trong khi đó, số quân trên bộ là 113.000 người¹⁰. Christophoro Borri cũng cho biết, mỗi khi cần, các chúa Nguyễn thường cử người đi khắp Đàng Trong để chọn những tay chèo giỏi vào đội thuyền hoàng gia. Những người được chọn lựa, bản thân họ và cả gia đình được hưởng chế độ ưu đãi của nhà nước. Các lính thủy được trang bị mỗi người một súng hỏa mai, với đạn, dao hay mã tấu. Hằng ngày, các binh sĩ không làm gì khác ngoài việc tập bắn vào các bia đạn. Trong các trận chiến, người quân binh luôn đứng ở vị trí tiên phong, sẵn sàng xuất trận để đốc thúc tinh thần binh sĩ¹¹. Sử cũ còn cho biết, dưới thời chúa Nguyễn Phước Chu, đồng hồ Tây phương¹² được đặt nơi các công sở và đồn tàu dọc biển, nhờ vậy, sự điều động thủy quân theo thời gian được chính xác hơn trước.

⁹ Thuyền galê là một loại thuyền chiến vừa dùng buồm vừa dùng mái chèo, rất dài và hẹp.

¹⁰ John Barrow (1806), *A Voyage to Cochinchina in the year 1792 - 1793*, London: New-Street square Publisher, pp. 283. Sách *Đại Nam thực lục tiền biên* ghi rõ lực lượng thủy binh nước ta thời chúa Nguyễn Phúc Tần có tới 22.740 quân, gồm: Cơ Trung hầu 10 thuyền 300 người; Nội bộ 60 đội thuyền, hơn 3.280 người; 2 cơ Tả trung và Hữu trung, mỗi cơ 14 thuyền, đều hơn 700 người; Nội thủy 58 thuyền, 6.410 người; Cơ Tả trung kiên 12 thuyền, 600 người; Cơ Hữu trung kiên 10 thuyền, 500 người; 2 cơ Tả trung bộ và Hữu trung bộ, mỗi cơ 10 thuyền, đều 450 người; Cơ Tiền trung bộ 12 đội, mỗi đội 5 thuyền, cộng 2.700 người; 4 cơ Tả dục, Hữu dục, Tiền dục, Hậu dục, mỗi cơ 5 thuyền, cộng hơn 1.100 người; 4 đội Tiền thủy, Hậu thủy, Tả thủy, Hữu thủy, mỗi đội 5 thuyền, đều hơn 500 người; 8 cơ Tả nội bộ, Hữu nội bộ, Tiền nội bộ, Hậu nội bộ, Tả súng, Hữu súng, Tiền súng, Hậu súng, mỗi cơ 6 thuyền, cộng 2.100 người; Dinh tả bộ 10 thuyền, cộng hơn 450 người; 4 đội Tiền binh, Hậu binh, Tả binh, Hữu binh, mỗi đội 4 thuyền, đều hơn 200 người; Cơ Tả thủy 5 thuyền, hơn 200 người.

¹¹ Christophoro Borri, (1633), *Cochin-China – Containing many admirable rarities and singularities of that country*, London: Robert Asley, pp. 1.2.

¹² Lúc đầu mua của người phương Tây, sau do Nguyễn Văn Tú và những người Việt Nam khác chế tạo.

⁶ Nguyễn Việt (CB, 1983), *Quân thủy trong lịch sử chống ngoại xâm*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 298.

⁷ Nguyễn Phúc tộc để phá tường giải đồ, sách hiện còn lưu giữ tại nhà ông Nguyễn Phúc Ứng Viên, một hậu duệ của vua Minh Mạng (ông Ứng Viên gọi Minh Mạng bằng ông cố); *Nguyễn Phúc tộc Dược minh y kính*; *Nguyễn Phúc tộc Y gia truyền thế thường hành*; *Bí mật quân lương và khí uế chiến thuyền*, ...

⁸ Hoàng Hải Vân, *Bí mật hải quân nhà Nguyễn*. Nguồn: www.vietlandnews.net, www.thanhvien.com.vn, www.baomoi.com, www.hoanghaiivan.com, www.quansuvn.info, <http://www.lichsvn.info>

Việc tập luyện trên sông được giáo sỹ Choisy (đến Đàng Trong năm 1685), miêu tả: “Mỗi chiếc thuyền của Đàng Trong có 30 tay chèo ở mỗi bên thuyền. Ở mũi thuyền và đằng sau là khoang lái không có gì trật tự hơn thế. Những tay chèo phải chăm chú theo lệnh của quân binh, và người này ra lệnh bằng gậy chỉ huy. Họ chèo nhịp nhàng đến nỗi một nhạc trưởng cũng không điều khiển giàn nhạc của mình hay hơn là người quân binh của Đàng Trong điều khiển các tay chèo”¹³.

Điều đặc biệt là, sau khi Nguyễn Phúc Nguyên gả con gái cho một thương gia Nhật Bản, mối quan hệ giữa Đàng Trong với Nhật Bản trở nên thân thiết, chúa Nguyễn đã gửi người sang Nhật Bản để học tác huấn luyện thủy binh¹⁴.

Để phát triển thủy binh, các chúa Nguyễn rất quan tâm đến việc đóng thuyền. Thuyền chiến Đàng Trong có rất nhiều loại, tùy từng mục đích mà sử dụng các loại thuyền khác nhau. Thuyền chiến thời kì này chủ yếu là thuyền pháo, tức là thuyền chiến được trang bị súng pháo. Dưới thời các chúa Nguyễn đã có các xưởng chuyên đúc súng và xưởng đóng thuyền chiến. Qua hồi ký của những người nước ngoài từng đến Đàng Trong vào các thế kỷ XVII - XVIII, ta có thể biết được ngành đóng thuyền ở Đàng Trong do nhà nước độc quyền, chúa Nguyễn đích thân kiểm soát, chỉ đạo. John Barrow đã ghi lại trong hồi ký của mình rằng, “Chúa là người quản đốc các cảng, nhiều kho binh khí, kỹ sư trưởng của xưởng đóng thuyền... Trong công việc đóng thuyền thì không có một cái đình nào được đóng xuống mà lại không xin ý kiến chúa Nguyễn trước tiên”¹⁵. Chúa Nguyễn cho lập những xưởng đóng thuyền do nhà nước quản lý ở hai bên bờ sông Hương.

Thợ đóng thuyền được huy động từ nhiều địa phương trong nước, dựa vào thể mạnh nghề nghiệp của từng người. Những người thợ thủ công này được trưng tập về Phú Xuân và biên chế vào các ty, các đội chuyên trách các khâu của công việc đóng thuyền. Chúa Nguyễn còn sử dụng một lực lượng rất lớn để khai thác gỗ làm nguyên liệu đóng thuyền, chẳng hạn như năm 1729, chúa Nguyễn Phúc Khoát (1714 - 1765) cho lập đội mộc than ở Trường Đức gồm 195 người, chuyên khai thác gỗ đóng thuyền đem về nộp cho phủ chúa¹⁶. Ngoài việc đóng thuyền mới, các công xưởng đóng thuyền của các chúa Nguyễn còn đảm trách việc tu sửa tàu thuyền theo định kỳ¹⁷.

Nhờ chủ trương ưu tiên phát triển ngành đóng thuyền với những chính sách hợp lý trong việc trưng tập thợ giỏi, khai thác vật liệu và tiếp thu kinh nghiệm của người Chăm¹⁸, người châu Âu, chúa Nguyễn đã có được một đội thuyền hùng hậu, đảm bảo cho các nhu cầu quốc phòng, giao thông và thương mại, đặc biệt là những chiến thuyền cung ứng cho thủy binh. A. de Rhodes, vị giáo sỹ người Pháp đến Đàng Trong vào năm 1625 đã ước tính số tàu thuyền mà chúa Nguyễn dùng để phòng vệ bờ biển lúc bấy giờ là khoảng 200 chiếc¹⁹. Sách Đại Nam thực lục cho biết, vào

¹⁶ Chúa Nguyễn còn cử người vào tận vùng Quang Hóa (nay thuộc huyện Tràng Bàng, tỉnh Tây Ninh) để khai thác các loại gỗ tốt, chở về Phú Xuân để đóng thuyền. Theo Trần Đức Anh Sơn, Ngành đóng thuyền và tàu thuyền ở Việt Nam thời chúa Nguyễn và thời Nguyễn. Nguồn: <http://www.covathue.com>

¹⁷ Hàng năm, chúa sai bộ Công và các đội tiểu sai đi khám thuyền, đánh giá mức độ hư hỏng theo từng hạng ngạch và định ra mức tiền cần phải đầu tư để tu sửa các hạng thuyền bị hư hỏng, rồi cho dựng xưởng để tu sửa. Theo sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, bấy giờ chỉ riêng Phú Xuân đã có đến 256 sở đóng và sửa chữa tàu thuyền.

¹⁸ Người Chăm vốn rất giỏi đóng ghe bầu, một loại phương tiện kết hợp giữa thuyền buồm truyền thống của Mã Lai với thuyền đi biển của vùng Ấn Độ Dương – Địa Trung Hải.

¹⁹ Alexandre de Rhodes (1994), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Ủy ban Đoàn kết Công giáo, tr. 14 - 15. Dẫn theo Trần Đức Anh Sơn, “Ngành đóng thuyền và tàu thuyền ở Việt Nam thời chúa Nguyễn và thời Nguyễn”. Nguồn: <http://www.covathue.com>

¹³ M. L'Abbé de Choisy (1687), *Journal du voyage de Siam fait en 1685 & 1686*, Paris: Sabastien Mabre-Cramoisy, pp. 567.

¹⁴ Hoàng Hải Vân, *Bí mật hải quân nhà Nguyễn*, Tlđđ.

¹⁵ John Barrow (1975), *A Voyage to Cochinchina*, Oxford University Press, p. 289.

tháng 3 năm Quý Ty (1653), tại xã An Cựu ở Phú Xuân có cuộc duyệt binh lớn, chúa Nguyễn Phúc Tần đã huy động một lực lượng thủy binh với hơn 22.740 người và 377 thuyền chiến. Theo Thomas Bowyear, lực lượng thủy quân ở Đàng Trong trong 2 năm 1695 - 1696 (dưới thời Nguyễn Phúc Chu) có “200 chiến hạm, mỗi chiếc có từ 16 đến 22 khẩu đại bác, 500 chiến thuyền nhỏ từ 40 đến 44 tay chèo, 100 chiếc thuyền lớn từ 50 đến 75 tay chèo, 3 chiếc của người Âu. Các thuyền chiến trên đều do xưởng của phủ chúa đóng”²⁰. Một tài liệu khác cho biết đến năm 1674, lực lượng thủy quân của chúa Nguyễn Phúc Tần đã có 133 chiến thuyền do các xưởng trực thuộc phủ chúa đóng, ... Tuy số liệu có khác nhau, nhưng các tài liệu dẫn ra đều phản ánh một thực tế là số tàu thuyền, nhất là thuyền chiến dưới thời chúa Nguyễn đã đạt số lượng lớn. Cả A. de Rhodes cũng như Thomas Bowyear đều nhận định rằng vào thế kỷ XVII, số thuyền do người Đàng Trong đóng không nhiều bằng thuyền ở Đàng Ngoài²¹, nhưng chất lượng kỹ thuật thì không hề thua kém. Họ cũng đánh giá cao về trình độ đóng thuyền và vũ khí trang bị trên các loại tàu thuyền ở Đàng Trong. Các vị cũng cho biết, thuyền chiến Đàng Trong được trang hoàng lộng lẫy hơn hẳn so với thuyền chiến Đàng Ngoài. “Các thân tàu đều được sơn dầu đen, lòng tàu sơn đỏ rất bóng đến nỗi có thể soi gương được, mái chèo đều thếp vàng”²².

Choisy đã ghi chép sự phân bố lực lượng thủy quân của chúa Nguyễn như sau: “Ngoài các chiến

thuyền của Hoàng gia, các trấn thủ của ba dinh chính trong vương quốc, nơi đó có hàng hải tốt, đều có chiến thuyền trấn thủ. Dinh Cát ở biên giới giáp với Đàng Ngoài có 30 chiếc; trấn thủ Dinh Chiêm có 17 chiếc, trấn thủ Dinh Niaroux (Phan Rang) có 15 chiếc”²³.

Ngành đóng thuyền đặc biệt phát triển nhanh dưới thời chúa Nguyễn Ánh, nhất là vào khoảng thời gian đánh nhau với quân Tây Sơn. Theo Phủ biên tạp lục, năm 1768 ở Gia Định chỉ có 7 chiếc thuyền công dùng để chuyên chở lúa gạo, hàng hóa và vật liệu cho nhà nước, nhưng đến năm 1776, thì ở Gia Định đã có hơn 500 tàu thuyền do nhà nước quản lý²⁴. Năm 1778, Nguyễn Ánh cho đóng 50 chiến thuyền đầu nhọn, gọi là thuyền Long Lân sung vào thủy quân. Năm 1780, một viên tướng của Nguyễn Ánh là Đỗ Thanh Nhơn sáng chế một kiểu thuyền gọi là thuyền Trường Đà, rất tiện dụng trong việc đi biển và đánh trận. Đây được xem là một bước cải tiến quan trọng về mặt kỹ thuật của ngành đóng thuyền ở Đàng Trong thời bấy giờ.

Trong quá trình phát triển lực lượng quân sự, người Pháp đã giúp Nguyễn Ánh trên nhiều phương diện như chỉ huy hạm đội, xây dựng các xưởng đúc vũ khí, đặc biệt là việc đóng tàu chiến. Chỉ trong vòng 2 năm (1792 - 1793), Pigneau de Behaine đã giúp Nguyễn Ánh đóng được hơn 300 chiếc tàu chiến, 5 thuyền buồm và một đội lính thủy được tổ chức theo mô hình của châu Âu.

J. Barrow đánh giá rất cao tính chủ động và sáng tạo của Nguyễn Ánh trong việc tiếp thu kỹ thuật phương Tây. Ông cho biết, năm 1793, Nguyễn Ánh mua một tàu của người Bồ Đào

²⁰ Dẫn theo Trần Đức Anh Sơn, Tlđđ.

²¹ Trong bức thư gửi Hội đồng giám đốc công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) tháng 12.1642 đề kêu gọi viện trợ quân tấn công Đàng Trong, viên thuyền trưởng người Hà Lan Jacob van Liesvelt đã tính toán rằng, tổng số thuyền chiến của Đàng Trong là 300 chiếc. Dẫn theo W. J. M. Buch, *De Oost-Indische Compagnie en Quinam, de betrekkingen der Nederlanders met Annam in de XVII eeuw*, Amsterdam: H.J.Paris, pp. 81, 86. Dẫn theo Phạm Văn Thủy, “Thủy quân Việt Nam thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX qua các nguồn sử liệu phương Tây”. Nguồn: <http://vietnam.vn>

²² M. L'Abbé de Choisy (1687), *Journal du voyage de Siam fait en 1685 & 1686*, Sđd, tr. 567.

²³ M. L'Abbé de Choisy (1687), *Journal du voyage de Siam fait en 1685 & 1686*, Sđd, tr. 430. Các Dinh Cát, Dinh Chiêm và Dinh Niaroux ở đây đại diện cho cả ba vùng chiến lược trong chính sách phát triển và mở rộng thể lực của chúa Nguyễn trong suốt thế kỷ XVIII.

²⁴ Lê Quý Đôn (1977), *Toàn tập*, Tập 1, “Phủ biên tạp lục”, Nxb. KHXH, tr. 264. Trong số 500 tàu thuyền đó, dinh Trấn Biên có 160 thuyền chiến và 18 ghe bầu hải sự, dinh Phiên Trấn có 310 thuyền chiến và 18 ghe bầu hải sự và dinh Long Hồ có 75 thuyền chiến và 18 ghe bầu hải sự.

Nha, rồi tự tay vua tháo dỡ ra và thay vào đó các thiết bị mà mình chế tạo. Con tàu vì thế hoàn toàn được cải tiến. Với cách làm này, chỉ trong 2 năm 1793 - 1794, Nguyễn Ánh đã đóng được gần 10 thuyền chiến theo kỹ thuật châu Âu, trong số đó, có 3 chiếc quan trọng nhất là Phụng Phi do Vannier chỉ huy, Ưng Phi do De Forçans chỉ huy và Long Phi do Chaigneau chỉ huy²⁵. Ngoài ra, còn một chiến thuyền mang tên Trần Châu do Nguyễn Ánh đích thân chỉ huy²⁶. Theo Đại Nam thực lục thì, năm 1796, Nguyễn Ánh cho đóng thêm 15 thuyền chiến, đều mang hiệu gồm chữ “Gia” kèm với một chữ thuộc “Tam Tài” như Thiên, Địa, Nhân hay “Thập nhị Địa chi” như Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Năm 1800, Nguyễn Ánh cho đóng thêm 150 thuyền hải đạo (thuyền đi biển). Năm 1801, lại cho đóng thêm 200 thuyền hải đạo cùng các thuyền chiến mang tên: Anh, Vũ, Thước, Nga, Quyên, Phu, Lê, Diên, Chiêu, Ly²⁷.

Tuy nhiên, có một loại thuyền chiến của chúa Nguyễn với cấu tạo rất độc đáo và mang tính bí mật rất cao mà người phương Tây không thể biết được vì nó chỉ xuất hiện trong những tình huống cần thiết, trong điều kiện bình thường nó được tách ra thành những chiếc tàu chiến nhỏ. Theo các tài liệu “bí truyền” của hoàng tộc Nguyễn, loại thuyền chiến lớn nhất dài 30m, ngang 12m; loại nhỏ nhất dài 3m, ngang 1,2m. Vỏ tàu có 3 lớp, tất cả làm bằng tre trét bằng dầu rái và vải loại thực vật khác, các khoang tàu có phao làm bằng thảo tằm giống như tàu chạy buồm. Tàu chiến lớn có 12 tay chèo, chia thành 3 cụm, mỗi cụm có 4 tay chèo, 1 cụm bố trí ở mũi tàu, 2 cụm bố trí ở khoảng 1/3 thân tàu tính từ phía sau. Điều thú vị là các tay chèo này không phải dùng

mái chèo tác động xuống nước để đẩy thuyền đi như thuyền chèo thông thường mà việc “chèo” này là để làm quay một hệ thống ròng rọc nối liền với các quạt nước, chính những cái quạt nước này vừa nâng tàu lên vừa đẩy tàu đi giống như tàu máy hiện đại nhưng linh hoạt hơn nhiều²⁸. Điều đặc biệt là toàn bộ chất liệu làm tàu chiến không dùng đến sắt thép, kể cả cánh quạt, đinh, chốt, vít. Các liên kết đều dùng mộng, các chốt liên kết làm bằng một loại gỗ tên là gỗ xây cực kỳ bền chắc²⁹. Toàn bộ thủy quân chỉ có một soái hạm, dài 50m, ngang 12m.

Tốc độ đóng thuyền rất nhanh, mỗi chiếc chỉ mất 3 tháng trở lại. Nhờ vậy mà số lượng thuyền chiến của thủy quân Nguyễn Ánh tăng lên nhanh chóng. Đến những năm đầu thế kỷ XIX, lực lượng thủy quân của Nguyễn Ánh đã lên đến gần 100 chiến hạm, 800 pháo hạm, 500 bán pháo hạm³⁰.

Ngoài việc đóng thuyền để phục vụ cho nhu cầu trong nước, Nguyễn Ánh còn đóng thuyền cho Xiêm La. Sách Đại Nam thực lục cho biết, năm 1789, Nguyễn Ánh ra lệnh đóng hơn 40 đại chiến thuyền và hơn 100 ghe bầu. Số ghe thuyền này hoàn thành năm 1791 và được chuyển giao

²⁸ Mỗi cụm tuy có 4 tay chèo, nhưng chỉ có 3 quạt nước nổi với 3 tay chèo thông qua ròng rọc, tay chèo còn lại có vị trí độc lập, nhiệm vụ của anh ta là điều chỉnh để cân bằng hệ thống, việc của anh ta nhẹ nhàng hơn 3 anh kia, nhưng khi gặp sự cố, một mình anh ta sẽ làm chạy một lúc 3 cái quạt nước, do mái chèo của anh ta gắn với sự chuyển động đồng thời của 3 cái quạt này. Khi 3 cụm chèo đồng thời được nâng lên bởi tay chèo điều chỉnh hệ thống, lập tức tàu chạy lướt trên mặt nước, nghệ thuật lướt này nhờ vào 2 tay chèo số 4 phía sau điều chỉnh cho bánh lái không ghi đuôi tàu xuống, đồng thời giữ thăng bằng khi tàu lướt sóng. Vì vậy mà tàu chiến có thể vượt qua được mọi điều kiện thời tiết, với tốc độ và sự linh hoạt khiến cho đối phương phải kinh ngạc, sợ hãi và tuyệt vọng.

²⁹ Hoàng Hải Vân, Tlđđ.

³⁰ Theo Li Tana, đến năm 1819, số thuyền của Nguyễn Ánh đã tăng lên 1482 chiếc, gồm 490 chiếc thuyền galê, 77 đại chiến thuyền, 66 thuyền lớn kiểu châu Âu và số còn lại là thuyền buồm, hoặc ghe bầu loại nhỏ dùng để vận tải. (Li Tana, “Thuyền và kỹ thuật đóng thuyền ở Đàng Trong cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX”, *Nghiên cứu và Phát triển*, số 1/2002, tr. 81).

²⁵ Ba sĩ quan người Pháp hợp tác và phục vụ dưới quyền của Nguyễn Ánh trong những năm tháng chiến tranh chống lại nhà Tây Sơn.

²⁶ Archives des Missions Étrangères de Paris, Cochinchine, Vol. 747, pp. 869 - 872.

²⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn (1962), *Đại Nam thực lục*, Tập II, Sử học, tr. 451.

cho Xiêm La để đổi lấy vũ khí trang bị cho binh sĩ trong cuộc chiến chống Tây Sơn³¹.

Có thể nói rằng, việc đóng thuyền ở Đàng Trong dưới thời chúa Nguyễn đã đạt được nhiều tiêu chí: kỹ thuật đóng thuyền, quy mô tổ chức, số lượng và chủng loại tàu thuyền. Nhờ vào lực lượng thủy quân hùng mạnh này mà các chúa Nguyễn đã đẩy lùi các cuộc tấn công của họ Trịnh từ phía Bắc, đánh thắng thủy quân Tây Sơn, bảo vệ thành công chủ quyền quốc gia đối với biển đảo, cũng như tổ chức khai thác nguồn lợi trên Biển Đông, góp phần củng cố và phát triển xứ Đàng Trong trong hơn hai thế kỷ.

2. Các trận thủy chiến trên Biển Đông để bảo vệ chủ quyền quốc gia Đại Việt

Một trong những mục tiêu của việc đóng thuyền chiến là nhằm tăng cường lực lượng đối phó với sự tấn công của quân Trịnh từ phía Bắc. Nhưng thực tế, gần nửa thế kỷ Trịnh – Nguyễn phân tranh (1627 - 1672), thủy binh chúa Nguyễn nhiều lần đụng độ với thủy binh Trịnh chủ yếu là trên sông, chưa có trận thủy chiến nào diễn ra trên biển. Ngoài những trận đụng độ với quân Tây Sơn nảy lửa như trận Thị Nại năm 1801 được xem là “Võ công đệ nhất” trong thời trung hưng của nhà Nguyễn, sức mạnh của thủy binh chúa Nguyễn được khẳng định và đánh giá cao qua những trận thủy chiến với tàu Tây phương.

• Đánh chìm tàu hải tặc Nhật Bản

Cuối thế kỷ XVI, dưới thời Nguyễn Hoàng, sau khi hoành hành cướp phá bờ biển Trung Hoa, hải tặc Nhật Bản kéo sang khu vực biển nước ta. Năm 1585, chúng kéo đến cướp bóc vùng biển Cửa Việt. Nguyễn Phước Nguyên, con thứ sáu của chúa Nguyễn Hoàng đã điều binh đánh chìm hai chiếc tàu Ngọa khấu (giặc lùn Kenki). Sử cũ chép: Năm Ất Dậu (1585), giặc Tây Dương (gọi là “Hiển Quý tặc”, tức “giặc giàu sang”) đi 5 chiếc thuyền lớn, đến đậu ở Cửa Việt để cướp

bóc ven biển. Nguyễn Hoàng sai Phúc Nguyên lĩnh hơn 10 chiếc thuyền, tiến thẳng đến cửa biển, đánh tan 2 chiếc thuyền giặc. Giặc Hiển Quý sợ chạy³². Nguyễn Hoàng vui mừng khen rằng: “*Con ta thực là anh kiệt*”³³, và thưởng cho rất hậu. Từ đó giặc biển không dám bén mảng đến đây nữa.

Đây là sử liệu đầu tiên đề cập đến mối liên hệ giữa Nhật Bản và Đàng Trong³⁴. Năm 1599, một chiếc tàu Kenki khác bị mắc cạn tại cửa Eo (Thuận An, Huế) khi đang hoạt và bị một tướng của Nguyễn Hoàng chặn bắt, toàn bộ thủy thủ đoàn tàu cướp biển bị bắt, tài sản trên tàu bị tịch thu. Hai năm sau, 1601, Nguyễn Hoàng gửi bức thư ngoại giao chính thức đầu tiên của nước ta đến Tướng quân Shogun Tokugawa. Hai xứ Việt Nhật bắt đầu lập giao thương đường biển. Thương điểm vùng Hội An được thành lập và bắt đầu phát triển mạnh mẽ từ đó (với nhiều thương nhân ngoại quốc, đông nhất là người Nhật Bản)³⁵.

³² Có tài liệu cho rằng thủy quân chúa Nguyễn đã đánh tan một đội tàu chiến 6 chiếc của Nhật Bản. Thực ra đây là tàu Kenki, một loại tàu của hải tặc Nhật Bản nổi tiếng ở vùng biển phía đông và đông nam Trung Hoa, kéo đến cướp bóc vùng biển Cửa Việt nước ta mà sách *Đại Nam thực lục* gọi là “Hiển Quý tặc” (giặc giàu sang), bởi “tướng giặc nước Tây Dương hiệu là Hiển Quý”.

³³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục, Tập I*, Nxb. Giáo dục, tr. 32.

³⁴ Sự kiện Ryukyu đến Việt Nam vào cuối năm 1509 được phản ánh trong một văn bản ngoại giao đề ngày 9 tháng 10 năm Chính Đức thứ tư, nhà Minh (tức là ngày 20.11.1509) hiện đang được lưu giữ trong bộ thông sử *Reikidai hoan* của vương quốc Ryukyu, bấy giờ Nguyễn Hoàng chưa vào trấn thủ Thuận Hóa.

³⁵ Thật ra đã có sự hiểu nhầm trong trường hợp này. Lá thư Nguyễn Hoàng gửi cho Mạc Phủ Tokugawa Ieyasu đề ngày 5 tháng 5 Hoàng Định thứ 2 (1601) có nội dung thanh minh vụ việc thủy quân chúa Nguyễn đã tấn công vào tàu buôn của thương nhân Bạch Tàn Hiển Quý vào tháng 4 năm 1599 là vì “*quan Đại Đô Dương ở Thuận Hóa chẳng biết Hiển Quý là thương gia tốt nên đánh nhau với thuyền viên, (...) Lúc đó tôi ở Đông Kinh khi nghe tin tức này, rất lấy làm đáng tiếc*”³⁵. Nhận được thư, Mạc Phủ Ieyase đã trả lời, thư viết: “*Tôi đã nhận được thư của Ngài và đọc nhiều lần (...). Việc Ngài đã đối xử dễ dãi với họ như thế thì, thể hiện lòng từ ái sâu xa*”. Qua thư, Mạc Phủ cũng thông báo cho chúa Nguyễn về việc sẽ cấp Châu Ấn thuyền cho thương nhân Nhật Bản khi đến buôn bán tại Đàng Trong.

³¹ Li Tana, “Thuyền và kỹ thuật đóng thuyền ở Đàng Trong cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX”, Tidd, tr. 86.

• Trận thủy chiến với hải quân Công ty Đông Ấn Hà Lan năm 1643

Sau 10 năm (1627 - 1637) với 3 lần tấn công vào nam nhưng không thể tiêu diệt được họ Nguyễn, Trịnh Tráng thấy cần phải tăng cường lực lượng bằng sự hỗ trợ của phương Tây và ông gửi cho Toàn quyền Đông Ấn Hà Lan tại Batavia một lá thư với nội dung cần phía Hà Lan giúp cho 2 hoặc 3 tàu, 200 lính bắn giỏi để đánh bại họ Nguyễn. Chúa Trịnh còn yêu cầu người Hà Lan gửi cho Đàng Ngoài 50 thuyền chiến với binh lính chọn lọc và đại bác có sức công phá mạnh để cùng quân Trịnh đi đánh Đàng Trong. Đổi lại, chính quyền Đàng Ngoài sẽ tặng cho binh lính Hà Lan 20.000 - 30.000 lạng bạc. Trịnh Tráng cũng hứa hẹn rằng ông sẽ tặng luôn Quảng Nam cho họ cai trị và bắt dân chúng Đàng Trong phải nộp cống cho Toàn quyền Đông Ấn Hà Lan và phía Hà Lan sẽ chia cho Đàng Ngoài một ít để hai bên cùng có lợi³⁶.

Năm 1641, nhân sự kiện hai chiếc tàu Hà Lan (Kemphaan & Grootebroek) bị đắm gần đảo Champelo (Cù lao Chàm), hàng hóa bị tịch thu, 82 thủy thủ sống sót bị bắt, quan hệ giữa chúa Nguyễn với Công ty Đông Ấn Hà Lan trở lên căng thẳng, thương điểm của Công ty Đông Ấn Hà Lan ở Hội An phải đóng cửa. Lờ đi đề nghị của chính quyền Đàng Ngoài đã thuyết phục được phía Hà Lan hành động, khi mà Công ty Đông Ấn Hà Lan đang rất tức giận vì việc chúa Nguyễn đã tịch thu hàng hóa của 2 tàu Hà Lan bị đắm³⁷.

Ngày 14.5.1641, Toàn quyền Đông Ấn Hà Lan chuyển cho Trịnh Tráng biết rằng họ đã sẵn sàng cử tàu tới phối hợp cùng quân Trịnh xâm

chiếm Đàng Trong. Đầu năm 1642, một sứ thần của Đàng Ngoài đã sang Batavia yêu cầu Công ty bắt giữ thật nhiều người Đàng Trong ở Touran (Đà Nẵng), phía Hà Lan đã bắt được tổng cộng 120 người và ngó ý muốn trao đổi với những người Hà Lan đang bị chúa Nguyễn Phúc Lan giam giữ. Đàm phán thất bại. Sau đó, đại diện Hà Lan là Jacob Van Liesvelt nhổ neo về Batavia.

Tháng 5 năm 1642, Công ty Đông Ấn Hà Lan cử 5 tàu cùng 125 thủy thủ và 70 binh lính do Jan Van Linga chỉ huy đi lùng bắt dân chúng Đàng Trong ở ven biển và dọa sẽ giết hết một nửa và đem những người còn lại về Đàng Ngoài nếu đề nghị của họ bị bác bỏ trong 48 tiếng. Sau đó, tất cả bọn họ tiến lên phía Bắc, nơi ranh giới với Đàng Ngoài và chờ quân Trịnh tới phối hợp.

Ngày 3.5.1642, người Hà Lan cập vịnh Quy Nhơn, đốt nhà và kho thóc rồi bắt 38 người. Jan Van Linga quyết định dùng vũ lực để giải quyết dứt khoát chuyện Đàng Trong bắt giữ và giam cầm những người Hà Lan lúc trước. Dù vậy, họ chỉ bắt được thêm 11 người trong 10 ngày sau đó. Jacob Van Liesvelt đề nghị tiến tới Cù lao Chàm để bắt thêm người nhưng cư dân tại đây đã báo cho quan trên và trình sát của chúa Nguyễn đã phát hiện được đoàn thuyền Hà Lan nên khi tới nơi, vừa lên bờ thì Jacob Van Liesvelt cùng 150 binh sĩ dưới quyền đã bị tấn công và hạ sát. Ngày 16.7, tại Touran (Đà Nẵng), phía Hà Lan giết 20 con tin và sau đó đi ra Đàng Ngoài. Tại Đàng Ngoài, chúa Trịnh đã tuyên bố ông có cử quân đi đánh Đàng Trong nhưng phải rút lui do người Hà Lan không tới³⁸.

Tháng 1.1643, phía Hà Lan đưa một hạm đội 5 chiến hạm do Johannes Lamotius chỉ huy tới liên kết với Trịnh Tráng đi đánh Đàng Trong. Tháng 7.1643³⁹, một hạm đội khác lại tới do Pieter Baek

³⁶ Xung đột Công ty Đông Ấn Hà Lan với Đàng Trong. Nguồn: Wikipedia Bách khoa toàn thư mở (Xem toàn văn thư bản tiếng Anh và tiếng Việt).

³⁷ Chiếc *Grootebroek* có chở theo một lượng lớn hàng hóa trị giá tới 23.580 real (1 real = 0,8 quan). Sau những cuộc mặc cả giữa hai bên (Công ty Đông Ấn Hà Lan và chúa Trịnh) diễn ra liên tục giữa năm 1637 - 1638 thì năm 1639 Công ty quyết định cử 4 tàu đi giúp Đàng Ngoài tấn công Đàng Trong. Cũng trong năm 1639, Đàng Ngoài cử Hải quân Hà Lan chuyển cho họ 5 tàu và 600 quân tinh nhuệ.

³⁸ <http://vi.wikipedia.org>: Xung đột Công ty Đông Ấn Hà Lan với Đàng Trong.

³⁹ Theo *Đại Nam thực lục* thì trận đánh xảy ra năm Giáp Thân (1644) nhưng Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* và Dương

dẫn đầu. Khi gần đến cửa Eo, họ bị 50 chiến thuyền của quân đội chúa Nguyễn tấn công. Sách *Đại Nam thực lục* ghi lại: “*Bấy giờ, giặc Ô Lan đầu thuyền ngoài biển, cướp bóc lái buôn. Quân tuần biển báo tin. Chúa đương bàn kế đánh dẹp. Thế tử (tức Nguyễn Phúc Tần) tức thì mật báo với chương cơ Tôn Thất Trung (con thứ tư của Hy Tông), ước đưa thủy quân ra đánh. Trung lấy cơ chưa bảm mệnh, ngần ngại chưa quyết. Thế tử tự đốc suất chiến thuyền của mình tiến thẳng ra biển. Trung bất đắc dĩ cũng đốc suất binh thuyền theo đi, đến cửa biển thì thuyền của thế tử đã ra ngoài khơi. Trung lấy cớ vẫy lại, nhưng thế tử không quay lại. Trung bèn giục binh thuyền tiến theo. Chiếc thuyền trước sau lướt nhanh như bay. Giặc trông thấy cả sợ, nhằm thẳng phía đông mà chạy, bỏ rơi lại một chiếc thuyền lớn. Thế tử đốc quân vây bắn. Tướng giặc thế cùng phóng lửa tự đốt chết*”⁴⁰.

Nhận được tin từ trinh sát, Chúa họp quần thần bàn chuyện đưa chiến thuyền ra đánh, không ai dám tin là chắc thắng. Chúa cho hỏi một người Hà Lan đang phục vụ ở đây, người này trả lời có vẻ đe dọa: “*Tàu Hà Lan chỉ sợ mãnh lực và quân đội của Trời thôi*”⁴¹. Điều này khiến chúa Nguyễn cảm thấy bị xúc phạm nên chúa Nguyễn Phúc Lan và Thế tử Nguyễn Phúc Tần tự thân hành đến Eo⁴², lệnh cho thủy quân chèo thuyền ra

đánh thẳng vào 3 chiếc tàu của Hà Lan. Bón mặt tàu Hà Lan đều bị tấn công. Thủy binh Đàng Trong nhờ thuyền nhỏ hơn, nhanh nhẹn và lại đông hơn hẳn nên mặc dù bị một số đạn, họ vẫn có thể bao vây tấn công vào tàu Hà Lan quyết liệt. Chiếc nhỏ nhất luôn lách để tìm đường rút lui. Chiếc thứ hai bị đâm vào đá, cả đoàn thủy thủ và tàu chìm ngấm xuống biển. Chiếc thứ ba lớn nhất chống cự lại quyết liệt nhưng bị thủy quân chúa Nguyễn bám sát, tràn lên tàu bẻ bánh lái. Một số nhảy lên tàu chặt gãy cột buồm. Bị dồn vào thế tuyệt vọng, thuyền trưởng Hà Lan cho nổ kho thuốc súng, tất cả những người trên tàu kể cả Baeck đều chết. Có 7 thủy thủ trên tàu nhảy xuống biển, cố bơi thoát nhưng đều bị bắt lại.

Giáo sĩ A. de Rhodes năm 1651 chép lại sự kiện này như sau: “Chúa hỏi ý kiến một người Hoà Lan mấy năm nay sống sót sau cơn bão biển và ở lại phục vụ chúa lo việc binh đao. Tên lính này kiêu căng và khinh thị đáp rằng đoàn tàu này chỉ sợ có thể lực và thịnh nộ võ khí của ông Trời. Tức giận vì thái độ hỗn xược, chúa không thèm đáp, nhưng ra lệnh cho các thuyền trưởng lập tức cho nhổ neo rời bến và tấn công đoàn tàu Hoà Lan trông rõ ngoài khơi. Nhờ lúc này biển lặng, chỉ có gió nhẹ thổi, nên việc tấn công mang lại kết quả: chỉ có chiếc tàu nhỏ hơn cả của người Hà Lan nhờ gió nhẹ thổi mà chạy thoát, còn chiếc kia muốn chạy trốn đoàn thuyền rượt theo, mất hướng đặng phải còn vỡ tan và chìm dưới làn sóng. Chiếc thứ ba lớn hơn hết dĩ nhiên nặng nề hơn cả, gió không đẩy nổi, liền bị bốn thuyền chiến bao vây và chiếm giữ, sau khi hết sức chống cự và bắn vô hiệu vào đoàn thuyền chiến rất thấp đã tới sát vách. Tay lái và cột buồm bị phá. Trong cơn nguy khốn cùng cực, thuyền trưởng và lính Hoà Lan mất hết hy vọng cứu thoát giữa biển khơi, liền châm lửa vào kho thuốc súng đốt chiếc tàu cùng thủy thủ, tất cả chùng hai

Ký trong *Việt sử khảo luận* và nhiều tài liệu khác ghi là năm Quý Mùi (1643).

⁴⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục, Tập 1*, Nxb. Giáo dục, tr. 55 - 56.

⁴¹ <http://vi.wikipedia.org>: *Trận cảng Eo 1643*.

⁴² Theo *Nguyễn Phúc tộc thế phả* thì trận đánh diễn ra năm 1644, người Hà Lan theo yêu cầu của Chúa Trịnh mang 3 chiếc tàu chiến bằng đồng rất lớn, trang bị vũ khí tối tân vào cửa Eo (cửa Thuận An) nhưng có lẽ do cửa biển cạn nên không vào được, mà đổi hướng tiến vào cửa Hàn (Đà Nẵng) nổ súng uy hiếp quân Nguyễn. Chúa lệnh cho thế tử Phúc Tần đem 200 chiến thuyền ra cửa Hàn đón đánh, chúa đích thân trợ chiến ở cửa Eo. *Đại Nam thực lục* chép: “Giáp Thân, thứ 9 (1644)... Thế Dũng Hầu đánh phá giặc Ô Lan (tức Hà Lan bấy giờ) ở cửa Eo... Chiếc thuyền trước sau lướt nhanh như bay. Giặc trông thấy cả sợ, nhằm thẳng phía đông mà chạy, bỏ rơi lại một chiếc thuyền lớn. Thế tử đốc quân vây bắn. Tướng giặc thế cùng phóng lửa tự đốt chết” (*Đại Nam thực lục*, T1, Nxb. Giáo dục, tr. 55 - 56). Đối chiếu với nhiều

nguồn tài liệu trong và ngoài nước, chúng tôi cho rằng, trận đánh này diễn ra ở cửa Eo vào năm 1643 thì đúng hơn.

trăm, trừ bảy người tránh ngọn lửa nhảy xuống biển trôi theo làn sóng, được thuyền chiến Đàng Trong vớt và đem đi trình chúa ở trên bến đàng đợi đoàn tàu chiến thắng trở về.

Chúa thấy bảy người Hoà Lan thoát hoạ tai và đắm tàu chiến quỳ phục dưới chân, liền quay về phía người Hoà Lan xác xược đã khoe tàu nước họ vô địch và chế giễu hần:

“Này người, hãy hỏi xem lính nước người ở đâu mà đến?”

Xấu hổ, hần lí nhí trong miệng và run sợ thưa: “Chúng thoát nạn do tàu chiến của Chúa đánh bại tàu người Hoà Lan”. Chúa tiếp:

“Thế thì chẳng phải đợi thế lực võ trang của Trời để thắng, vì đoàn thuyền chiến của ta đủ để phá vỡ”.

Rồi Chúa truyền cho binh sĩ của Chúa:

“Bớ ba quân, bây giờ hãy chặt đầu tên kiêu căng và gỡ cho thế giới thoát khỏi loài sâu bọ không đáng sống này”.

Tức thì lệnh được thi hành. Chúa còn cho cắt đầu mũi không những của tám tên lính sẽ đem đi chém đầu mà còn của tất cả những tên khác bị cháy hay đắm tàu, bỏ vào một thùng gửi ra biểu chúa Đàng Ngoài kèm theo vài lời chua chát, đắng cay tương tự như: xin nhận một phần đạo binh chúa đã chuẩn bị để tấn công và xin lần sau chuẩn bị một viện binh khá hơn. Việc này làm cho chúa Đàng Ngoài rất xúc động đến nỗi chúa chẳng còn muốn đón tiếp chiếc tàu thứ nhất của người Hoà Lan chạy trốn theo chiều gió, chúa cũng chẳng thèm cung cấp lương thực cần để sống, chiếc tàu này đành phải về tới Trung Quốc tìm lương thực, xa chừng sáu trăm dặm⁴³.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, thủy quân Việt Nam đã đánh thắng một lực lượng thủy quân của châu Âu được trang bị hiện đại, đã từng chinh phục Batavia và vùng quần đảo Indonésia.

Kết quả đó theo như Đại Nam thực lục tiền biên thì quân đội chúa Nguyễn đã được chuẩn bị sẵn nhờ một nhóm trinh sát gọi là hải tuần đã mật báo từ trước và sự linh hoạt của thuyền chiến chúa Nguyễn như đã nói trên. Trận đánh này thủy binh chúa Nguyễn có 7 thuyền bị chìm, hơn 700 lính tử trận, phía Hà Lan, theo Lê Thành Khôi thì tàu Wijdenes bị triệt tiêu, Baek bị giết, 2 tàu khác phải mở đường mà tháo chạy. Tuy nhiên thực tế cho thấy, tàu Wijdenes bị chìm, tàu lớn nhất bị nổ tung, tất cả binh lính trên tàu đều chết, kể cả Baek và một số lính Việt, chỉ còn một chiếc tháo chạy ra Đàng Ngoài, không được chúa Trịnh tiếp, phải chạy sang Trung Hoa như ghi chép của A. de Rhodes.

Sau trận chiến này, phía Hà Lan kết luận rằng “Chúa của Tongking đã ngăn ngấm chiến tranh (với Cochinchina) rồi”⁴⁴. Rõ ràng là uy tín của Công ty Đông Ấn Hà Lan tại Viễn Đông bị suy giảm và người Nhật bắt đầu coi thường họ. Sau trận này, Công ty Đông Ấn Hà Lan không dám đến Đàng Trong nữa. Mãi đến năm 1648, khi Nguyễn Phúc Tần lên ngôi chúa (1648 - 1687), muốn thương lượng với người Hà Lan thì Công ty Đông Ấn Hà Lan mới gửi đại diện đến Đàng Trong. Ngày 9.12.1651 hai bên đi đến thỏa thuận bỏ qua những tranh chấp cũ, nhưng người Hà Lan cho rằng công việc buôn bán của họ không còn thuận lợi như trước nên rút khỏi Đàng Trong vào năm 1654.

• Đánh đuổi quân Anh, làm chủ quần đảo Côn Lôn

Sự phát triển chưa từng thấy của nền thương mại quốc tế thế kỷ XVI - XVII làm cho quần đảo Côn Lôn trở thành mục tiêu chiến lược của nhiều nước phương Tây. Năm 1624 Giáo sĩ A. de Rhodes đã đặt chân tới Đàng Trong. Trong 25 năm lưu tại Đại Việt, bên cạnh hoạt động truyền đạo, ông còn thu thập, điều tra, cung cấp thông

⁴³ A. de Rhodes, *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài từ 1627 tới năm 1646*, Dịch giả: Nguyễn Khắc Xuyên, Dũng Lạc.

⁴⁴ <http://vi.wikipedia.org>: *Xung đột Công ty Đông Ấn Hà Lan với Đàng Trong*.

tin cần thiết cho kế hoạch xâm lược của Pháp. Trong một tài liệu gửi về Pháp, ông cho biết vị trí quan trọng và khả năng buôn bán ở đảo Côn Lôn: “Ở đây, có một chỗ cần chiếm lấy và đặt cơ sở tại đó, thương nhân châu Âu có thể tìm thấy một nguồn lợi phong phú tiền lời và của cải”⁴⁵. “Chỗ cần chiếm lấy” ấy chính là Côn Đảo. Từ báo cáo của A. de Rhodes, tháng 11.1686, Công ty Đông Ấn của Pháp phái Véret tới điều tra Côn Đảo. Véret xác nhận điều đó và đề nghị chiếm Côn Lôn làm căn cứ cho thương mại của công ty ở Viễn Đông.

Biết được ý đồ của Pháp, năm 1687, Williams Dampier nhân viên Công ty Đông Ấn của Anh đã tới vẽ bản đồ ở vịnh tây nam Côn Đảo. Năm 1702, Công ty này ngang nhiên đổ quân chiếm cứ Côn Đảo, xây dựng pháo đài, cột cờ, với 200 quân Mã Lai canh giữ (những người lính Mã Lai được thuê với thời hạn hợp đồng 3 năm).

Vào đêm 3.2.1705, những người lính Mã Lai đã vùng lên tiêu diệt bọn chủ người Anh. Chỉ có rất ít người như bác sĩ Pound và ông Salomon Liyod đang ở bên ngoài pháo đài chạy xuống tàu thoát⁴⁶. Về sự kiện này, các tài liệu viết khác nhau, đặc biệt là niên đại không thống nhất. Sách *Đại Nam thực lục chính biên* cho biết:

Năm Nhâm Ngọ Hiền Tông thứ 11 (1702), “Giặc biển là người Man An Liệt [tức người Anh] có 8 chiếc thuyền đến đậu ở đảo Côn Lôn. Trưởng là bọn Tô Thích Già Thi 5 người tự xưng là nhất ban, nhị ban, tam ban, tứ ban, ngũ ban [tức các cấp bậc quan một, quan hai, v.v...] (mấy ban cũng như mấy bậc, nguyên người Tây phương dùng những tên ấy để gọi bọn đầu mục của họ) cùng đồ đảng hơn 200 người, kết lập trại

sách, của cải chứa đầy như núi, bốn mặt đều đặt đại bác. Trấn thủ dinh Trấn Biên là Trương Phúc Phan (con Chương dinh Trương Phúc Cương, lấy công chúa Ngọc Nhiễm) đem việc báo lên, Chúa sai Phúc Phan tìm cách trừ bọn ấy.

Mùa đông, tháng 10 [1703 – TT], dẹp yên đảng An Liệt. Trước là Trấn thủ Trấn Biên Trương Phúc Phan mộ 15 người Chà Và sai làm kế trá hàng đảng An Liệt để thừa chúng sơ hở thì giết. Bọn An Liệt không biết. Ở Côn Lôn hơn một năm không thấy Trấn Biên xét hỏi, tự lấy làm đặc chí. Người Chà Và nhân đêm phóng lửa đốt trại, đâm chết nhất ban, nhị ban, bắt được ngũ ban trốn lại, còn tam ban, tứ ban thì theo đường biển trốn đi. Phúc Phan nghe tin báo, tức thì sai binh thuyền ra Côn Lôn, thu hết của cải bắt được dâng nộp. Chúa trọng thưởng người Chà Và và tướng sĩ theo thứ bậc. Tên ngũ ban thì đóng gông giải đi, chết ở dọc đường”⁴⁷.

Trong khi đó, sách *Lịch sử nhà tù Côn Đảo* (1862 - 1975) dẫn từ Poulo Condore: T.F.E.O. Sài Gòn 1947, cung cấp thêm ngày tháng cụ thể của sự kiện. Theo sách này thì “Ở Côn Đảo họ bị đau ốm, lo buồn và chỉ muốn về quê nhà. Họ bí mật chuẩn bị một cuộc nổi dậy. Đêm ngày 3.2.1705, một tiếng hú man rợ vang trong rừng thẳm. Chính là những người lính hung hãn, da ngăm màu đồng hun đã vùng lên tiêu diệt bọn chủ người Anh (...). Chỉ có rất ít người chạy thoát như bác sĩ Paođơ (Pound) và ông Xalômôn Lyốt (Salomon Liyod) đang ở bên ngoài pháo đài”⁴⁸. *Đại Nam nhất thống chí* không ghi niên đại của sự kiện này, nhưng qua cách trình bày của Phủ biên tạp lục: Năm Ất Dậu, (1705, năm có cuộc nổi dậy đánh đuổi người Anh) đội Hoàng Sa thu lượm được 126 thỏi vàng, có thể nhận thấy, tác giả *Đại Nam thực lục* đã có sự nhầm

⁴⁵ A. Tomadi, *Cuộc chinh phục xứ Đông Dương*, Tư liệu khoa Lịch sử trường Đại học KHXH&NV, ký hiệu VT 306 ABC, tr. 7.

⁴⁶ Poulo Condore, T.F.E.O. Sài Gòn, 1947, trang 7. Dẫn theo Nguyễn Đình Thông, Nguyễn Linh, Hồ Sĩ Hành (2010), *Lịch sử nhà tù Côn Đảo (1862 - 1975)*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, tr. 21.

⁴⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục, Tập một*, Bản dịch của Viện Sử học, Nguyễn Ngọc Tinh phiên dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Giáo dục, tr. 115, 117.

⁴⁸ Nguyễn Đình Thông, Nguyễn Linh, Hồ Sĩ Hành (2010), *Lịch sử nhà tù Côn Đảo (1862 - 1975)*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, tr. 21.

lần. Và cuộc nổi dậy của người Mã Lai diễn ra đêm 3.2.1705 tại Côn Đảo không chỉ xuất phát ở chỗ người Mã Lai không chịu đựng nổi khí hậu và cuộc sống quá thiếu thốn trên đảo, cũng không phải vì đã hết hạn hợp đồng mà bọn chủ người Anh không làm theo lời hứa đưa trả họ về quê hương như một số người đã nhận định, mà đây là một hành động do chính quyền chúa Nguyễn chủ trương, tổ chức nhằm khẳng định chủ quyền của mình trên quần đảo Côn Lôn.

Tuy rất muốn mở rộng giao thương với các nước phương Tây, nhưng khi nhận ra Côn Đảo chỉ thực sự là một căn cứ nhằm phục vụ tuyến thương mại của Anh từ Ấn Độ sang Trung Hoa, hơn nữa, nhận thấy tư bản Anh âm mưu biến Côn Lôn thành một bàn đạp để xâm chiếm những vùng đất mới, trước hết là nước ta, chúa Nguyễn đã tổ chức đánh đuổi quân Anh ra khỏi đảo. Kế hoạch được chuẩn bị chu đáo, chúa Nguyễn khôn khéo cài người vào nội bộ địch, lợi dụng mâu thuẫn giữa binh lính người Mã Lai với bọn chủ người Anh để gây nên cuộc binh biến, kết hợp với sự hỗ trợ từ bên ngoài để nổi dậy. Kết quả, quân Anh phải rời bỏ Côn Lôn. Hơn 150 năm sau sự kiện nói trên, Paulin Vial⁴⁹, trong một công trình khảo cứu của mình đã công nhận: “*Hòn đảo này (Côn Lôn) ở trước cửa sông Cửu Long, một thế kỷ trước đây đã do người Anh chiếm đóng, song đã bỏ sau khi thấy không thể giữ được nó... Các vua An Nam vẫn là người chủ hợp pháp của đảo ấy*”⁵⁰.

Có thể thấy, các chúa Nguyễn đã xác lập được chủ quyền và có kế hoạch khai thác Côn Đảo để tăng cường thế mạnh cho mình.

Không chỉ đánh thắng tàu chiến Hà Lan, hải tặc Nhật Bản, đánh đuổi quân xâm lược Anh,...

thủy binh chúa Nguyễn còn quét sạch mọi loại giặc biển đến từ nhiều phía. Hệ thống phòng thủ bờ biển được thiết lập, hàng trăm, hàng ngàn hòn đảo lớn nhỏ trên biển đều được xác lập chủ quyền và canh phòng cẩn mật suốt mấy thế kỷ. Nhờ có hệ thống phòng thủ đó mà chúa Nguyễn đã thiết lập các tuyến hải hành và mở rộng giao thương với các nước, tạo điều kiện cho kinh tế Đàng Trong phát triển thăng hoa. Cảnh tàu thuyền nước ngoài nhộn nhịp vào ra ở các cảng Thanh Hà, Hội An, Nước Mặn, Cù lao Phố, Mỹ Tho, Hà Tiên, Bãi Xàu,... diễn ra trong thời gian dài; tàu thuyền nước ta cũng thường xuyên đi ra nước ngoài, cập cảng nhiều nước Á Âu, cho thấy các chúa Nguyễn đã làm chủ và khai thác có hiệu quả đối với Biển Đông trong thời gian trị vì xứ Đàng Trong.

3. Chúa Nguyễn tổ chức bảo vệ và khai thác nguồn lợi trên Biển Đông

Chính sử triều Nguyễn ghi rằng, đội Hoàng Sa là một tổ chức đặc biệt dưới thời các chúa Nguyễn và vua Nguyễn. Đó là một tổ chức vừa mang tính dân sự vừa mang tính quân sự, vừa tư nhân vừa nhà nước, vừa có chức năng kinh tế vừa có chức năng quản lý nhà nước trên một vùng rộng lớn của Biển Đông lúc bấy giờ.

Ngay từ khi vào trấn thủ vùng Thuận Quảng, các chúa Nguyễn đã nhanh chóng thiết lập quyền kiểm soát, khai thác các quyền lợi trên hai quần đảo này. Năm 1633, phái đoàn bộ thương gia Hà Lan do Paulus Traudenius dẫn đầu đã đến Thuận Hóa. Các nguồn tài liệu của công ty Đông Ấn Hà Lan còn chép rằng vào năm 1634 tàu Groo Tenbroeck của Hà Lan bị đắm ở khu vực quần đảo Hoàng Sa, thuyền trưởng Abraham Duijcker cùng với 12 thủy thủ dùng thuyền nhỏ vào bờ để trình báo chúa Nguyễn Phúc Nguyên và cầu xin sự giúp đỡ. Như vậy, từ trước đó, các nhà hàng hải Hà Lan, những người rất thành thạo Biển Đông khi đó đều đã biết rõ rằng chủ quyền của quần đảo này thuộc về các chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Năm 1636, họ đã gửi đến chúa Sãi một

⁴⁹ Vial là giám đốc sở Nội chính Nam kỳ, một trong những quan cai trị đầu tiên sau khi thực dân Pháp chiếm được 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ.

⁵⁰ Paulin Vial, *Những năm đầu của Nam kỳ thuộc Pháp*, bản dịch của khoa Lịch sử trường Đại học KHXH & NV, ký hiệu VT 294ab, tr.82.

điều khiếu nại về việc chiếc tàu Groo Tenbroeck bị đắm tại bãi cát Paracels, đoàn thủy thủ đã được người Việt ở xứ Đàng Trong cứu giúp và lấy đi một số tiền là 25.580 resaux và xin được bồi hoàn. Điều này chứng tỏ người Việt đã đặt chân lên hai quần đảo này trước bất kì một quốc gia nào lân cận xung quanh khu vực này⁵¹. Ngoài ra còn có các tài liệu liên quan khẳng định chủ quyền hai quần đảo này. *Toán tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* của Đỗ Bá Công Đạo (khuyết danh) soạn năm Chính Hòa thứ 7 (1686), phần bản đồ phủ Thăng Hoa và phủ Quảng Ngãi ở phía ngoài biển có vẽ “Bãi Cát Vàng” và có lời chú giải nói rõ việc khai thác “Bãi Cát Vàng” của chúa Nguyễn như sau: “... Giữa biển có một dải cát dài, gọi là Bãi Cát Vàng, dài độ 400 dặm, rộng 20 dặm, đứng dựng giữa biển, từ cửa biển Đại Chiêm [cửa Đại, Quảng Nam – TT] đến cửa Sa Vinh [cửa biển Sa Huỳnh, Quảng Ngãi – TT]. Mỗi lần có gió Tây Nam thì thương thuyền các nước đi ở phía trong trôi dạt ở đấy; có gió Đông Bắc thì thương thuyền chạy ở ngoài cũng trôi dạt ở đấy, đều cùng chết đói hết cả, hàng hóa thì đều để nơi đó. Họ Nguyễn mỗi năm vào tháng cuối mùa đông đưa 18 chiếc thuyền đến lấy hàng hóa, được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ, súng đạn. Từ cửa Đại Chiêm vượt biển đến đấy thì phải một ngày rưỡi. Từ cửa Sa Kỳ đến đấy thì phải một ngày rưỡi...”⁵². Sách *Nam Hà tiếp lục* được Lê Đán hoàn thành năm 1811, một bộ sách ghi chép về lịch sử, văn hóa và phong tục tập quán của Đàng Trong, cũng đã đề cập đến Hoàng Sa, Trường Sa và hoạt động của đội Hoàng Sa. Sách *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, vị hòa thượng người Trung Hoa viết năm 1696, cũng đề cập đến những hoạt động của đội Hoàng Sa và mô tả khá chi tiết về Vạn Lý Trường Sa, sách viết: “*Thời quốc vương (chúa Nguyễn An Nam) trước, hàng*

năm sai thuyền đánh cá đi dọc theo bãi cát, lượm vàng bạc khí cụ của các thuyền hư tập vào”⁵³. Năm 1701, các giáo sĩ Pháp trên tàu Amphitrite khẳng định: “*Paracels là một quần đảo thuộc về vương quốc An Nam*”⁵⁴.

Suốt hơn hai thế kỷ từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX, sự hoạt động của đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải và các đội ngư binh khác là bằng chứng hùng hồn về sự xác lập chủ quyền của Đại Việt ở Đàng Trong đối với Hoàng Sa và Trường Sa.

Đội Hoàng Sa là đơn vị do chính quyền chúa Nguyễn lập trước năm 1631⁵⁵ để làm nhiệm vụ khai thác các nguồn lợi ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đội Hoàng Sa ra đời ở cửa biển Sa Kỳ và Cù Lao Ré thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Những người phục vụ đều gọi là quân nhân – Đội dân binh. Người đứng đầu đội Hoàng Sa là Cai đội hay Đội trưởng là vị quan lớn, thường được phong tước “hầu” (như Tuyên Đức hầu, Hội Đức hầu, Phú Nhuận hầu,...) lại thường kiêm Cai thủ cửa biển Sa Kỳ cũng như kiêm quản Cai cơ thủ ngư⁵⁶. Nhiệm vụ của đội Hoàng Sa rất nặng nề, không thuần túy về kinh tế, mà luôn kết hợp với nghĩa vụ quân sự; du thám, trình báo về các bọn thổ phi ngoài biển; chống cướp biển, bảo vệ Biển Đông⁵⁷. Vì có chức năng đặc biệt quan trọng như vậy nên đội Hoàng Sa được đặt dưới

⁵³ Theo VOV, *Tư liệu cổ Trung Quốc ghi nhận Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam*. Nguồn: baohainguyen.org.vn

⁵⁴ <http://www.biendong.net>: Biển đảo thời chúa Nguyễn và ghi chép về Hoàng S trong Hải ngoại kỷ sự của Hòa thượng Thích Đại Sán.

⁵⁵ Tại nhà thờ họ Võ, phường An Vĩnh (thôn Tây, xã Lý Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) còn giữ tờ đơn đệ ngày 15 tháng Giêng năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775) do Hà Liễu là Cai hợp phường Cù Lao Ré xã An Vĩnh đứng tên xin chấn chỉnh lại đội Hoàng Sa. Đơn cho biết: “Nguyên xưa chúng tôi xưa có hai đội Hoàng Sa và Quế Hương. Vào năm Tân Mùi (1631?), Đốc chiến là Võ Hệ đã đệ đơn xin tâu được lập hai đội nữa là đội Đại Mạo Hải Ba và đội Quế Hương Hàm với số đinh 30 người...”. Năm Tân Mùi ở thế kỷ XVII có hai năm 1631 và 1691. Vì *Toán tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* soạn năm 1686, nên chỉ có năm 1631 là hợp lý.

⁵⁶ Chức quan Cai cơ thủ ngư phụ trách thu thuế, an ninh trên biển, chống hải tặc, cướp biển.

⁵⁷ Đền đời các vua Nguyễn, đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải được trao thêm nhiều nhiệm vụ nữa như tuần tiễu, đo đạc vẽ bản đồ, thủy trình ở hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

⁵¹ Theo Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học, tr. 428.

⁵² Nguồn: Viện Nghiên cứu Hán Nôm, dẫn từ <http://biengioidanhtho.gov.vn>

sự kiểm tra, giám sát của Bộ Công, thậm chí nhiều khi đích thân chúa Nguyễn hoặc vua Nguyễn quyết định một số những công việc đặc biệt hệ trọng của đội.

Theo TS. Nguyễn Nhã thì, “Hoạt động của đội Hoàng Sa tới các đảo phía bắc gần phủ Liêm Châu, Hải Nam (Trung Quốc), phía nam tiếp tới Côn Lôn, Hà Tiên. Dù chính đội Hoàng Sa không đủ lực lượng tự mình đi khắp nơi, song lại kiêm quản các đội khác nên phạm vi hoạt động của các đội rất rộng, khắp các đảo trên biển Đông chạy dài ngoài khơi dọc các tỉnh miền Trung, từ phía tây nam đảo Hải Nam xuống tới vùng Trường Sa hiện nay. Đội Hoàng Sa sử dụng một loại thuyền buồm nhẹ và nhanh nên dễ dàng né tránh các đá san hô cũng như dễ dàng cập được vào bờ các đảo san hô như ở Hoàng Sa và cũng thích hợp với hoàn cảnh của dân chài vùng biển Sa Kỳ, Cù lao Ré”⁵⁸.

Đội Hoàng Sa được biên chế và tổ chức như một thủy đội biệt lập. “Trước họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh xung vào, cắt phiên mỗi năm cứ tháng 2 nhận giấy sai đi (...) Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải, không định bao nhiêu suất, hoặc người thôn Tứ Chánh ở Bình Thuận hoặc người xã Cảnh Dương, ai tình nguyện đi thì cấp giấy sai đi... sai cai đội Hoàng Sa kiêm quản”⁵⁹. Khi chúa Nguyễn tìm ra các đảo san hô rất rộng ở Biển Đông, đội Hoàng Sa không thể bao quát hết được, chúa Nguyễn cho thành lập các đội Bắc Hải, Quế Hương, Đại Mạo Hải Ba và Quế Hương Hàm, có chức năng và nhiệm vụ như đội Hoàng Sa và tất cả đều do đội Hoàng Sa kiêm quản để nhà nước dễ bề quản lý. Khi đã có đội Bắc Hải,... địa bàn hoạt động chủ yếu của đội Hoàng Sa là vùng biển và hải đảo ngang với khu vực Lý Sơn và ngược lên phía

Bắc, trong đó vẫn lấy quần đảo Hoàng Sa là trung tâm. Đội Bắc Hải,... phụ trách vùng biển đảo phía Nam, từ Trường Sa đến Hà Tiên: xứ Bắc Hải, quần đảo Côn Lôn và các đảo ở vịnh Xiêm.

Họ xuất phát là ngư dân, sau đó tự nguyện gia nhập đội ngũ làm nhiệm vụ cho nhà nước theo kiểu lính nghĩa vụ nên được gọi là những “quân nhân” hay “ngư binh”. Họ không được trả lương hàng tháng như “chính binh” mà chỉ được “miễn cho tiền sưu cùng các tiền tuần đò”. Ngoài việc tự nhận lấy trách nhiệm “luôn du thám ngoài biển, nếu thấy bọn ác phi trên tàu ngoài biển thì trình báo, những việc đó coi là bổn phận giữ gìn ngoài biển”⁶⁰. Họ sẵn sàng ứng chiến với kẻ xâm phạm nếu như có truyền báo xảy ra chiến sự. Họ thực sự là những “hùng binh” trên biển. Vì lẽ đó, nó tồn tại suốt thời các chúa Nguyễn. Thời Tây Sơn và nhà Nguyễn đội Hoàng Sa, Bắc Hải vẫn tiếp tục được duy trì.

Với tinh thần và hoạt động của những “chiến binh” Hoàng Sa, đã dựng lên một biểu tượng đẹp đẽ, sáng ngời lòng yêu nước và tinh thần xả thân vì nước. Họ không được hưởng lương, lại phải tự lo phương tiện (như tiêu điều thuyền, thuyền câu), lương thực và các vật dụng cần thiết cho những chuyến đi, tự túc kinh phí để làm nhiệm vụ nhà nước giao (thuyền đi làm nhiệm vụ được cấm biển hiệu thủy quân), ngược lại phải đối mặt với nhiều gian nguy, đói khổ để bảo vệ chủ quyền biển đảo, đem lại lợi ích cho đất nước. Cuộc sống của họ hết sức bấp bênh, cận kề cái chết. Lễ hội *Khao lề thế lính* hàng năm ở đảo Lý Sơn tưởng đã phần nào cho ta cảm xúc mạnh mẽ về sự hy sinh xả thân của những ngư binh. Mỗi chuyến đi, ngoài lương thực, thực phẩm đơn

⁵⁸ Dẫn theo “Hải đội Hoàng Sa thực thi chủ quyền”, bài viết của nhóm PV Biển Đông (Theo Đại Đoàn Kết). Nguồn: <http://www.tinbiendong.com>

⁵⁹ Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 155.

⁶⁰ Đến thời Gia Long, họ còn làm các công việc phục vụ cho chức năng quản lý nhà nước trên các quần đảo của tổ quốc như đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ về Hoàng Sa và Trường Sa, cắm cột mốc, dựng bia chủ quyền, tổ chức thu thuế và cứu hộ tàu bị nạn, xây dựng chùa miếu và trồng cây để cho người qua lại dễ nhận biết...

giàn, họ còn mang theo chiếu, nẹp tre, dây mây để bó xác những thành viên chết trên biển.

Về lịch hoạt động ở ngoài đảo, theo những tài liệu như *Dur địa chí*, *Hoàng Việt địa chí dư*, *Đại Nam thực lục tiền biên*, *Đại Nam nhất thống chí*, hàng năm đội Hoàng Sa bắt đầu đi từ tháng ba âm lịch đến tháng tám âm lịch thì về. Theo *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* thì lúc đi cuối Đông, không nói rõ lúc về. Sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn chép: "... Trước họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa gồm 70 suất, lấy người xã An Vĩnh bổ sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ 2 tháng nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn 6 tháng, đi bằng 5 chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến đảo ấy. Ở đây tha hồ bắt chim, bắt cá mà ăn. Lấy được hóa vật của tàu, như gương, ngựa hoa bạc, tiền bạc, hòn bạc, đồ đồng khối thối, khối chì, súng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ, đồ chiên, cùng là kiếm võ đôi mỗi, vỏ hải ba, hải sâm, hột ốc vân rất nhiều"⁶¹.

Hẳn nhiên họ vẫn có chút quyền lợi. Ngoài việc được miễn sưu thuế, họ còn được hưởng phần còn lại ngoài số sản vật lượm được phải nộp cho nhà nước theo quy định: "*Đến kì tháng 8 thì về, vào cửa Eo, đến thành Phú Xuân để nộp, cân và định hạng xong, mới cho đem bán riêng các thứ ốc vân, hải ba, hải sâm rồi lĩnh bằng về...*" (*Phủ biên tạp lục*). Nhìn chung, những người lính Hoàng Sa đều có ý thức kỷ luật cao. Họ là một tổ chức chặt chẽ và hoạt động có hiệu quả, liên tục. Người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được khen thưởng xứng đáng, còn người không hoàn thành nhiệm vụ, hoặc vi phạm những điều quy định của nhà nước đều bị trị tội một cách nghiêm ngặt.

Sách *Nguyễn Phúc tộc đế phả tường giải đồ* cho biết, ngoài những thứ thu lượm được nộp về phủ chúa như *Phủ biên tạp lục* đã liệt kê, các đội ngư binh còn mang về vỏ hào 9 lỗ (cửu khổng

thạch khuyết minh), ốc vú nàng, chất thơm trong đầu cá nhà táng...⁶². Trên mạn thuyền của đội Hoàng Sa có trồng 7 thứ rau: rau muống, rau húng, rau lang, họ, hành, tỏi, me đất (đến năm Tự Đức thứ 12 có thêm rau sam bay)⁶³. Họ ăn những loại rau nói trên với cá biển và nước mắm. Thực phẩm chính mà đội Hoàng Sa mang theo là thịt thung và cám gạo⁶⁴. Do không có nhiều nước ngọt, nên ra Hoàng Sa, Trường Sa, người xưa ăn nước mắm chứ không ăn muối. Điều đặc biệt là nước mắm cũng có thể dùng để... giải khát⁶⁵. Trên đảo có loại rau muống biển, một thứ rau mà ăn vào sẽ bị say, nhưng đội Hoàng Sa vẫn ăn được thứ rau này bằng cách chế biến riêng⁶⁶.

⁶² Ốc vú nàng và chất thơm trong đầu cá nhà táng đều là những vị thuốc quý. Ốc vú nàng lấy từ con ốc tươi được cho là có thể chữa được ung thư tụy tạng, cầm máu, chữa sốt không rõ nguyên nhân, các bệnh nhiễm trùng da và rắc rối đường huyết, bệnh phụ khoa... Cá nhà táng là một loại cá voi, chất thơm trong đầu nó được lấy khi cá đã chết hoặc do cá tiết ra trên đảo (từ đời Gia Long về sau, đã cấm triệt để việc săn bắt cá voi). Chất này được ứng dụng rất hữu hiệu trong điều trị bệnh sản phụ và nhi khoa, đặc biệt trong ngừa trị tai biến mạch máu não... Dẫn theo Hoàng Hải Vân, Tlđđ.

⁶³ Theo Hoàng Hải Vân thì đây là 7 loại rau Trung Hoa không có hoặc một số thứ có nhưng chất lượng không bằng của ta. Rau muống có tác dụng bổ huyết do có nhiều chất sắt, đây là loại rau di thực từ Nhật Bản sang Việt Nam thời Nguyễn Phúc Nguyên. Rau húng cân đối lượng đường trong máu, giúp tuần hoàn tim mạch, điều hòa tiêu hóa, điều hòa hô hấp, điều hòa não, nếu ăn thường xuyên từ nhỏ thì không bị trí... Tất cả các loại rau trên đều có tác dụng bảo vệ sức khỏe của quân dân khi ra đảo. Các loại rau trên chỉ được trồng trên thuyền mà không đem trồng trên đảo nhằm bảo vệ bí mật quân lương.

⁶⁴ Thịt thung chính là bí mật quân lương của quân đội nhà Nguyễn và nhà Tây Sơn. Các vua Nguyễn sau này trong các lễ cúng tế tổ tiên bao giờ cũng có món thịt thung. Đó là thịt heo hoặc gà, vịt, dê... được ướp với dầu lạc và nước ớt, cho muối hột và nước mắm với độ mặn gấp 3 lần so với kho thịt bình thường, cho nước ngập xăm xấp, đun nhỏ lửa cho đến khi khô hết nước, cho vào hộp đậy kín, có thể để hàng năm không hỏng. Dùng cám gạo thay cho gạo vừa đạt giá trị dinh dưỡng tối đa vừa không chiếm nhiều chỗ chứa khi ra biển đảo. Dẫn theo Hoàng Hải Vân, Tlđđ.

⁶⁵ Trên một tảng đá nghiêng, khi trời nắng lấy nước mắm thoa lên đá phía mặt trời chiếu vào, nước mắm khô sẽ bám vào mặt đá. Đem xuống, lấy đồ hứng những giọt sương rơi trên đá chảy qua chỗ có thoa nước mắm. Khi khát nước, thấm một ít nước này vào miệng, thứ nước đó đủ cho tuyền giáp trang điều tiết dịch, không gây ra những cơn phiền khát. Vì vậy, uống ít nước vẫn không thấy khát. Dẫn theo Hoàng Hải Vân, Tlđđ.

⁶⁶ Sách *Nguyễn Phúc tộc được minh y kính* có chỉ rõ y lý của rau muống biển và cách chế biến với nhiều công đoạn phức tạp nhưng có thể thực hiện được trên đảo. Ăn rau muống biển

⁶¹ Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, tập 2, Nxb. Giáo dục, tr. 148.

Xem ra, các “hùng binh” trên biển cả, nếu không vì nghĩa vụ thiêng liêng đối với tổ quốc, không thể có động lực nào cao hơn để họ chấp nhận hy sinh với tinh thần “một đi không trở lại” mà lễ khao lễ thể lính là minh chứng hùng hồn.

4. Thay lời kết

Trong lịch sử dân tộc, cha ông ta từng lập những chiến công oanh liệt để giữ vững từng tấc đất thiêng liêng của tổ quốc. Những chiến công ấy không chỉ có trên đất liền mà còn diễn ra trên sông, trên biển. Đại tướng Võ Nguyên Giáp từng nhân mạnh: *“Do nước ta có vị trí quan trọng, có bờ biển dài, nhiều sông lớn, nên từ xa xưa tới nay kẻ địch bên ngoài thường lợi dụng biển và sông để xâm lược nước ta. Và ở trên biển, trên sông, trong quá trình lịch sử, dân tộc Việt Nam đã bao lần nêu cao truyền thống chống giặc ngoại xâm anh hùng, bất khuất... Kể từ khi Vua Hùng dựng nước, dân tộc ta đã ghi biết bao sự tích anh hùng trên non sông nước ta nói chung, trên sông, biển nước ta nói riêng”*⁶⁷.

Những “Dấu ấn Việt Nam trên Biển Đông” mà cha ông tạo ra qua các thời kỳ một mặt khẳng định chủ quyền dân tộc, mặt khác, làm cho kẻ thù kinh hồn bạt vía. Cháu con hôm nay phát huy truyền thống dân tộc, kết hợp nội lực và sức mạnh thời đại để vươn ra biển lớn. Những bài học lịch sử cha ông để lại vẫn còn nóng hổi và vẹn nguyên giá trị, hãy giữ lấy và phát huy trong công cuộc bảo vệ non sông, giữ gìn toàn vẹn đất đai, biển đảo và bầu trời của Tổ quốc thân yêu.

được chế biến đúng cách, phòng tránh được nhiều bệnh thông thường, tăng sự dẻo dai cho cơ thể, đặc biệt nó tránh được những cơn say sóng nặng, bởi vậy mà sách này gọi nó là một vị thuốc mang tên “*Cứu mệnh thảo*”. Dẫn theo Hoàng Hải Vân, Tlđd.

⁶⁷ <http://www.qdnd.vn>: *Tầm quan trọng của biển đảo* (Lịch sử Hải quân nhân dân Việt Nam).

Nguyen Lord Navy Corps with the Protection of the Sovereignty and the Exploitation of Marine Resources in the Bien Dong (East Sea)

• Tran Thuan

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

For over two centuries (from the 17th Century to the early 19th Century), the Nguyen Lords in Cochinchina spent a lot of efforts to develop the navy forces to protect the sovereignty of sea & islands.

The navy forces in Cochinchina rapidly grew in terms of troop strength, means and weapons. The Nguyen Lords were greatly concerned about this and frequently urged the recruiting of new troops to expand the fleet. Through trade, the Nguyen Lords established close relationship with Western merchants. With their help in weapon trading and manufacturing, Cochinchina was successfully equipped with fire arms for both infantry and navy forces. The Nguyen Lords were also interested in ship building and troops drilling. War ships in this time significant advanced in technical and combat abilities and capabilities. Therefore, Nguyen Lords' Navy achieved a lot of notable victories, keeping up with the illustrious tradition of our nation's sea warfare. Typical of these feats included

- To sink Japanese pirate ships in 1585;*
- To defeat the attack of the Dutch East India Company fleets (Vereenigde Oost-Indische Compagnie, VOC) in 1643;*

- To fight back the British troops, occupying Kunlun Islands in 1705; etc.

In addition to powerful professional army, Nguyen Lords also built many military patrols, to protect and exploit marine resources in the East Sea. The military sea patrols named Hoang Sa, Bac Hai, Que Huong, Dai Mao Hai Ba, Que Huong Ham, etc. were born one by one. They came from fishermen who voluntarily joined military forces in the capacity of draftee (in the sense of military duty personnel); therefore, they were usually called by the name of "military personnel" or "military fishermen". In addition to collecting gold, silver, tools, etc.... of shipwreck to bring back to Nguyen Lords, they were also ready to fight every enemy who violated national sea sovereignty. They really were "war heroes" on the sea.

The task of "the military fisherman troops" could be said to be extremely heavy, not just for economic life, but always associated with military tasks, such as going out on reconnaissance, spying, watching out and reporting on pirates, fighting pirates to protect the East sea. They face a lot of dangers to defend the sea-land sovereignty for the nation's welfare. In this light, "the military fisherman troops" existed throughout

the reign of the Nguyen Lords and the later Nguyen dynasty. Recent new findings have reflected a lot of interesting facts about the activities of “the military fisherman troops” as well as their living on the sea during the time of their mission. With all their achievements, “the then military fisherman troops” built up

beautiful images shining with patriotism and the spirit of sacrificing their life for the country. The Nguyen Lords set up the Shipping Department in charge of registering, supervising and dealing with boats and ships from abroad to supervise and control the security at the sea.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. John Barrow, *A Voyage to Cochinchina in the year 1792 - 1793*, London: New-Street square Publisher, (1806).
- [2]. Christophoro Borri, *Cochin-China – Containing many admirable rarities and singularities of that country*, London: Robert Asley. (1633).
- [3]. M. L'Abbé de Choisy, *Journal du voyage de Siam fait en 1685 & 1686*, Paris: Sabastien Mabre-Cramoisy, (1687).
- [4]. Lê Quý Đôn, Toàn tập, Tập 1, “*Phủ biên tạp lục*”, Nxb. KHXH, (1977).
- [5]. Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Giáo dục.
- [6]. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học, (2001).
- [7]. Li Tana, *Xứ Đàng Trong – Lịch sử kinh tế – xã hội Việt Nam thế kỉ 17 và 18*, Bản dịch của Nguyễn Nghị, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, (1999).
- [8]. Li Tana, *Thuyền và kỹ thuật đóng thuyền ở Đàng Trong cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX*, Nghiên cứu và Phát triển, số 1/2002).
- [9]. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập I, Bản dịch của Viện Sử học, Nguyễn Ngọc Tinh phiên dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Giáo dục, (2002).
- [10]. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục tiền biên*, Bản dịch của Nxb. Sử học, Hà Nội, (1962).
- [11]. A. de Rhodes, *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài từ 1627 tới năm 1646*, Dịch giả: Nguyễn Khắc Xuyên, Dũng Lạc.
- [12]. A. Tomadi, *Cuộc chinh phục xứ Đông Dương*, Tư liệu khoa Lịch sử trường Đại học KHXH&NV, ký hiệu VT 306 ABC.
- [13]. Nguyễn Đình Thông, Nguyễn Linh, Hồ Sĩ Hành, *Lịch sử nhà tù Côn Đảo (1862 - 1975)*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, (2010).
- [14]. Paulin Vial, *Những năm đầu của Nam kỳ thuộc Pháp*, bản dịch của khoa Lịch sử trường Đại học KHXH & NV, ký hiệu VT 294ab.
- [15]. Nguyễn Việt (CB, 1983), *Quân thủy trong lịch sử chống ngoại xâm*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- [16]. Nhóm PV Biển Đông, “*Hải đội Hoàng Sa thực thi chủ quyền*”, (Theo Đại Đoàn Kết). Nguồn: <http://www.tinbiendong.com>
- [17]. Theo Trần Đức Anh Sơn, “*Ngành đóng thuyền và tàu thuyền ở Việt Nam thời chúa Nguyễn và thời Nguyễn*”. Nguồn: <http://www.covathue.com>
- [18]. Phạm Văn Thủy, “*Thủy quân Việt Nam thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX qua các nguồn sử liệu phương Tây*”. Nguồn: <http://vietnam.vn>
- [19]. Hoàng Hải Vân, *Bí mật hải quân nhà Nguyễn*. Nguồn: www.vietlandnews.net, www.thanhmien.com.vn, www.baomoi.com, www.hoanghaiivan.com, www.quansuvn.info, <http://www.lichisuvn.info>
- [20]. Wikipedia Bách khoa toàn thư mở.